5 Cách paraphrase trong IELTS

1 – Dùng từ đồng nghĩa (synonyms)

Đây là cách phổ biến nhất trong paraphrase.

Ví dụ:

* **Câu gốc: This trend has both positive and negative consequences.**
* **Câu đã được paraphrase: This trend has both benefits and drawbacks.**

Đồng nghĩa:

* positive consequences = benefits: lợi ích
* negative consequences = drawbacks: bất lợi

2 – Chủ động & Bị động

Cách này khá đơn giản nhưng lại rất hiệu quả. Nếu người ta cho mình 1 câu chủ động, mình sẽ đổi câu đó về bị động và ngược lại.

Ví dụ:

* **The government should encourage factories to use renewable energy instead of fossil fuels.**

(Chính phủ nên khuyến khích các nhà máy sử dụng năng lượng tái tạo thay vì nhiên liệu hóa thạch)

Câu trên ở thể chủ động, bây giờ ta đổi về bị động:

* **Factories should be encouraged to use renewable energy instead of fossil fuels.**

(Các nhà máy nên được khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo thay vì nhiên liệu hóa thạch.)

Để đạt điểm cao hơn, ta cần kết hợp dùng từ đồng nghĩa hoặc cho thêm thông tin liên quan vào câu. Chúng ta có thể kết hợp 1 vài đồng nghĩa như sau:

* renewable energy → environmentally-friendly energy sources such as solar or water power
* Factories → factories and power plants
* instead of → rather than

Vậy là chúng ta có 1 câu mới:

* **Factories and power plants should be encouraged to use environmentally-friendly energy sources such as solar or water power rather than fossil fuels.**

(Các nhà máy và các trạm năng lượng nên được khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường như năng lượng nước hay mặt trời hơn là nhiên liệu hóa thạch).

3 – Đổi thể loại từ

Đối với cách này, chúng ta sẽ đổi danh – động – tính – trạng từ lẫn nhau. Ví dụ:

* Advertisements help customers to **choose** better products.

Choose (v) -> Choice (n)

* Advertisements help customers to make better shopping **choices**.

Luu y: choose = make choices (“choice” đi với ” make” → đây chính là collocation). Nếu chúng ta không biết collocation, khả năng sai ngữ pháp là rất cao.

4 – Dùng chủ ngữ giả

Ví dụ:

* Some people believe that smoking should be banned.

Khi dùng chủ ngữ giả, câu sẽ biến đổi như sau:

* **It is believed that** smoking should be banned.

5 – Thay đổi trật tự từ trong câu

Cách này cũng rất đơn giản, ta chỉ cần đổi vế sau ra trước, vế trước xuống phía sau là xong. Tuy nhiên, nếu áp dụng cách này ta cần kết hợp thêm đồng nghĩa thì câu mới hay.

Ví dụ:

* **Parents today are too busy with their jobs, so they do not have enough time to take care of their children.**

Thay đổi trật tự từ:

* **Parents today do not have enough time to take care of their children because they are too busy with their jobs.**

Thay đổi trật tự từ kết hợp đồng nghĩa:

* **These days, parents could not spend enough time with their offspring due to their busy work schedules.**

Các đồng nghĩa:

* today → these days
* do not have enough time to take care of their children → could not spend enough time with their offspring
* because → due to
* they are too busy with their jobs → their busy work schedules